

Số: 139/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 21 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy chế Công bố thông tin
của Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN VINACONTROL

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2016 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/10/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 6/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;
- Căn cứ Quyết định số 606/QĐ-SGDHN ngày 29/9/2016 về việc Ban hành Quy chế công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol;
- Căn cứ Nghị quyết số 138/NQ-HĐQT ngày 20/7/2017 của Hội đồng quản trị,

QUYẾT ĐỊNH

- Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol”.
- Điều 2:** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.
- Điều 3:** Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Đơn vị tại Văn phòng, Giám đốc các Đơn vị trực thuộc và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đăng Website Vinacontrol ;
- Lưu : VT, BP CBTT.

TS. Bùi Duy Chính

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
CỦA CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN VINACONTROL**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 139/QĐ-HĐQT ngày 21/7/2017
của HĐQT Công ty CP Tập đoàn Vinacontrol)*

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục đích, ý nghĩa

Quy chế này tạo chuẩn mực, trình tự trong việc triển khai thực hiện nghiệp vụ công bố thông tin của Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol (Công ty); đảm bảo thực hiện một cách đồng bộ, chính xác, tuân thủ đúng trình tự, quy định của pháp luật và theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn có thẩm quyền.

Điều 2. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về cách thức, trình tự việc thực hiện công bố thông tin (CBTT) liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

2. Đối tượng áp dụng:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.
- Các Đơn vị/các cá nhân liên quan thuộc Công ty.
- Bộ phận Công bố thông tin.
- Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ.
- Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- Các tổ chức, cá nhân có quyền lợi liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công ty: là Công ty cổ phần Tập đoàn Vinacontrol.



2. Đơn vị:

- a) Các Ban/Trung tâm thuộc Văn phòng Công ty;
- b) Các Công ty TNHH/Công ty CP/Chi nhánh trực thuộc;
- c) Tổ chuyên viên HĐQT.

3. Bộ phận Công bố thông tin:

- a) Người được ủy quyền CBTT;
- b) Nhân viên thực hiện CBTT.

4. Người nội bộ của Công ty là:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Thành viên Ban Kiểm soát;
- c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc;
- d) Kế toán trưởng, Trưởng Ban Tài chính Kế toán, người phụ trách Ban Tài chính Kế toán của Công ty;
- e) Người đại diện theo pháp luật, Người được ủy quyền công bố thông tin.

5. Người có liên quan: là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân;

b) Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết;

c) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó;

d) Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát;

đ) Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia;

e) Công ty mẹ, công ty con.

6. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:

a) Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty;

c) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư có liên quan mua vào để trở thành cổ đông lớn của Công ty;

d) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty.

7. Ngày công bố thông tin: là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy chế này.

8. Ngày báo cáo về việc công bố thông tin: là ngày gửi fax, gửi dữ liệu điện tử qua email, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Sở Giao dịch chứng khoán (SGDCK) hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo về việc công bố thông tin tùy theo thời điểm nào đến trước.

9. Số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty là số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty đã phát hành trừ đi số cổ phiếu có quyền biểu quyết được Công ty mua lại làm cổ phiếu quỹ.

10. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán là tổ chức kiểm toán được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thực hiện kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính, các thông tin tài chính và các báo cáo khác của các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư 183/2013/TT-BTC về kiểm toán độc lập đối với đơn vị có lợi ích công chúng.

11. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở Giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày kết thúc việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán (TTLKCK) trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Sở Giao dịch chứng khoán.

Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin tổ chức thực hiện, công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Thông tin được công bố bằng tiếng Việt và được lưu trữ, bảo quản tại Công ty dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm đối với thông tin công bố định kỳ, trên trang thông tin điện tử của Công ty tối thiểu 05 năm đối với thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu.

3. Công ty phải đăng ký, đăng ký lại người thực hiện công bố thông tin cho UBCKNN và SGDCK tối thiểu 24h trước khi việc ủy quyền có hiệu lực.

Điều 5. Người thực hiện công bố thông tin

1. Người thực hiện công bố thông tin là Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền thay mặt Công ty để công bố thông tin theo quy định của Quy chế này và pháp luật có liên quan.

2. Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin.

Điều 6. Phương tiện công bố thông tin

1. Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

a) Trang thông tin điện tử (website) của Công ty: www.vinacontrol.com.vn;

b) Hệ thống công bố thông tin của UBCKNN;

c) Trang thông tin điện tử của SGDCK.

d) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử...)

2. Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, trang thông tin điện tử của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK.

CHƯƠNG II

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN VINACONTROL

Điều 7. Công bố thông tin định kỳ

1. Báo cáo tài chính năm

Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Toàn văn báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phải được công bố đầy đủ, kể cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó. Trường hợp kiểm toán không chấp nhận toàn phần báo cáo tài chính, Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán kèm theo văn bản giải trình của Công ty;

c) Thời hạn công bố:

Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính năm trong thời hạn nêu trên thì Công ty có văn bản gửi UBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính năm nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá 100 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan đối với các trường hợp sau:

- Do phải lập báo cáo tài chính năm hợp nhất;

- Hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính năm có kiểm toán, báo cáo tài chính năm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Báo cáo tài chính bán niên

Công ty công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán.

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty. Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán

niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo ý kiến kiểm toán và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp báo cáo tài chính bán niên được soát xét có kết luận của kiểm toán viên là không đạt yêu cầu;

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên:

Công ty công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính bán niên trong thời hạn nêu trên thì Công ty có văn bản gửi UBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính bán niên, nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan đối với các trường hợp sau:

- Do phải lập báo cáo tài chính bán niên hợp nhất;

- Hoặc do các công ty con, công ty liên kết của Công ty cũng phải lập báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét, báo cáo tài chính bán niên hợp nhất, báo cáo tài chính bán niên tổng hợp.

3. Báo cáo tài chính quý

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”. Toàn văn báo cáo tài chính quý phải được công bố đầy đủ.

b) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý:

Công ty công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Công ty không thể hoàn thành việc công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn nêu trên thì Công ty có văn bản gửi UBCKNN xem xét gia hạn thời gian công bố báo cáo tài chính quý, nhưng thời gian gia hạn tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày kết thúc quý bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật liên quan.

4. Các nội dung cần giải trình nguyên nhân khi công bố báo cáo tài chính

a) Khi công bố thông tin các loại báo cáo tài chính nêu tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này, Công ty đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ công bố thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

- Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ; hoặc chuyển từ lãi ở kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

- Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế từ đầu năm tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo tài chính quý 2 đã công bố so với báo cáo tài chính bán niên được soát xét; hoặc tại báo cáo tài chính quý 4 đã công bố so với báo cáo tài chính năm được kiểm toán có sự chênh lệch từ 5% trở lên; hoặc chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại;

- Số liệu, kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên.

b) Công ty giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại điểm a khoản này trên cả cơ sở báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Báo cáo thường niên

Công ty lập báo cáo thường niên theo Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 155/2015/TT-BTC và công bố báo cáo này chậm nhất là 20 ngày sau ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 120 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm được kiểm toán.

6. Báo cáo tình hình quản trị công ty

Định kỳ 06 tháng và năm, Công ty công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị công ty theo Phụ lục số 05 ban hành kèm theo thông tư số 155/2015/TT-BTC. Thời hạn công bố thông tin Báo cáo tình hình quản trị công ty chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo.

7. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của UBCKNN, SGDC về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên, bao gồm:

- Thông báo mời họp;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Chương trình họp, phiếu biểu quyết;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị;
- Các tài liệu tham khảo làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc ĐHĐCĐ.

b) Trường hợp không tổ chức thành công cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất, Công ty phải công bố về chương trình và thời điểm dự kiến tổ chức các cuộc họp kế tiếp, tiếp tục duy trì việc đăng tải và cho phép cổ đông tải tài liệu họp ĐHĐCĐ theo quy định tại điểm a khoản này cho tới khi tổ chức thành công ĐHĐCĐ.

c) Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên phải được công bố trong thời hạn 24h kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua.

8. Công bố thông tin về báo cáo sử dụng vốn

Công ty chào bán chứng khoán ra công chúng thực hiện công bố thông tin về báo cáo sử dụng vốn như sau:

- Trường hợp chào bán cổ phiếu riêng lẻ: Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại ĐHĐCĐ hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.

- Trường hợp chào bán chứng khoán ra công chúng: Trường hợp huy động vốn để thực hiện dự án đầu tư, định kỳ 06 tháng kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán cho đến khi hoàn thành dự án; hoặc cho đến khi đã giải ngân hết được số tiền huy động được, Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGĐCK và công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán. Công ty phải công bố báo cáo sử dụng vốn được kiểm toán xác nhận tại ĐHĐCĐ hoặc thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận.

9. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Công ty phải công bố thông tin về giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, của SGĐCK và TTLKCK theo quy định pháp luật chứng khoán.

Điều 8. Công bố thông tin bất thường

1. Công ty công bố thông tin bất thường trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

a) Tài khoản của Công ty tại Ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của chính Công ty;

b) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); doanh nghiệp kiểm toán từ chối kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty; kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính (nếu có); ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần của kiểm toán viên đối với báo cáo tài chính;

c) Quyết định vay hoặc phát hành trái phiếu dẫn đến tổng giá trị các khoản vay của Công ty có giá trị từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét.

Trường hợp tổng giá trị các khoản vay của Công ty đạt từ 30% vốn chủ sở hữu trở lên tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét, Công ty công bố thông tin về các quyết định vay thêm hoặc phát hành thêm trái phiếu có giá trị từ 10% vốn chủ sở hữu trở lên theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

d) Quyết định mua hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phiếu của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phiếu hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi sang cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán chứng khoán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi, cổ phiếu ưu đãi;

g) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định pháp luật về giao dịch cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo chương trình lựa chọn của người lao động trong Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lẻ của Công ty thông qua Công ty chứng khoán.

h) Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; bổ sung hoặc rút bớt một hoặc một số ngành nghề đầu tư, kinh doanh; bị đình chỉ hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận khai thác, Giấy phép kinh doanh chuyên ngành...; thay đổi thông tin trong Bản cáo bạch sau khi đã được UBCKNN cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán;

i) Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ (bao gồm Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Công ty công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

k) Quyết định về việc tổ chức lại (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập), giải thể Công ty; thay đổi tên, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm, thành lập mới hoặc đóng cửa trụ

sở chính, chi nhánh; sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;

l) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên doanh, liên kết hoặc bán để giảm sở hữu tại công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết; đóng, mở chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;

m) Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan;

n) Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được sửa đổi, bổ sung;

o) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố thông tin trên, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới (nếu có);

p) Khi nhận được quyết định khởi tố, tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ Công ty;

q) Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; kết luận của cơ quan thuế về việc Công ty vi phạm kết luận về thuế;

r) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

s) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty;

t) Vốn góp của chủ sở hữu bị giảm từ 10% trở lên hoặc tổng tài sản bị giảm từ 10% trở lên tại báo cáo tài chính năm nhất đã được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

u) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét; quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn); quyết định mua, bán tài sản có giá trị từ 15% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tính tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét;

v) Được chấp thuận hoặc bị hủy bỏ niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán nước ngoài;

x) Khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK. Nội dung thông tin phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

2. Công bố thông tin về hợp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua nghị quyết của ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Việc thực hiện công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

3. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

Công ty báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu cho Trung tâm lưu ký chứng khoán, Sở Giao dịch chứng khoán, báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin chậm nhất 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

4. Công bố thông tin việc phát hành thêm cổ phiếu

4.1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành thêm cổ phiếu, Công ty phải công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng về việc phát hành theo thời hạn như sau:

a) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, việc công bố thông tin phải được thực hiện ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền.

b) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, việc công bố thông tin phải được thực hiện ít nhất 07 ngày làm việc trước ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng.

4.2. Công ty phải gửi báo cáo phát hành cho UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng theo thời hạn như sau:

a) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đăng ký cuối cùng để phân bổ quyền.

b) Đối với trường hợp phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động, Công ty phải gửi báo cáo kết quả phát hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc việc thu tiền mua cổ phiếu hoặc ngày chuyển quyền sở hữu cổ phiếu thưởng cho người lao động. Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu phải kèm theo danh sách người lao động tham gia chương trình trong đó nêu cụ thể về số lượng cổ phần của từng người lao động được tham gia.

4.3. Công ty tiến hành đăng ký niêm yết/giao dịch bổ sung với SGDCK đối với số lượng cổ phiếu đã phát hành trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày UBCKNN gửi thông báo kết quả phát hành cho Công ty.

5. Công bố thông tin về mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ

5.1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN thông báo về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải công bố thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng.

5.2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc giao dịch mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải gửi báo cáo kết quả giao dịch cho UBCKNN và công bố thông tin ra công chúng. Trường hợp Công ty không thực hiện hết số lượng cổ phiếu dự kiến giao dịch, Công ty phải báo cáo và công bố lý do không hoàn thành.

5.3. Công ty thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ phải báo cáo với UBCKNN đồng thời thực hiện CBTT trên phương tiện thông tin đại chúng trong vòng 24h kể từ khi ra quyết định thay đổi. Công ty thông báo về thay đổi việc mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu trên phương tiện thông tin đại chúng và phương tiện CBTT của SGDCK, đồng thời gửi cho UBCKNN trong thời hạn 24h kể từ khi được UBCKNN chấp thuận thay đổi.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác như sau:

a) Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố báo cáo tài chính khi thay đổi kỳ kế toán đã được kiểm toán theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ khi tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán;

b) Sau khi chia, tách, sáp nhập, Công ty là doanh nghiệp bị chia, bị tách hoặc bị sáp nhập công bố Báo cáo tài chính khi chia tách, sáp nhập doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

c) Sau khi hoàn tất việc chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, Công ty công bố báo cáo tài chính sau khi chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.

Điều 9. Công bố thông tin theo yêu cầu

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch:

a) Khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

b) Có thông tin liên quan đến Công ty làm ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó và phải pháp khắc phục (nếu có).

CHƯƠNG III

CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ THUỘC ĐỐI TƯỢNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 10. Công bố thông tin về sở hữu cổ phiếu của cổ đông lớn

1. Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty hoặc khi không còn là cổ đông lớn phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đóng cho Công ty, UBCKNN, SGDCK trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...) phải công bố thông tin và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có sự thay đổi trên.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc nắm giữ từ 5% số lượng cổ phiếu hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1, khoản 2 Điều này được tính kể từ thời điểm hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 11 Điều 2 quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1, 2 Điều này không áp dụng đối với trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty giao dịch cổ phiếu quỹ hoặc phát hành thêm cổ phiếu.

5. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định tại Điều này.

Điều 11. Công bố thông tin về giao dịch của người nội bộ của Công ty

1. Trước ngày thực hiện giao dịch tối thiểu là 03 ngày làm việc, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải công bố thông tin và báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về việc dự kiến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty, kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi...). Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ

ngày đăng ký thực hiện giao dịch và chỉ được bắt đầu tiến hành phiên giao dịch đầu tiên sau 24 giờ kể từ khi có công bố thông tin từ SGDCK.

Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này không được đồng thời đăng ký mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty trong cùng một đợt đăng ký và phải thực hiện giao dịch theo đúng thời gian và khối lượng đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này phải báo cáo cho UBCKNN, SGDCK và Công ty về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có).

Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ chỉ được đăng ký và thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó.

3. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1,2 Điều này.

4. Trường hợp người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này đồng thời là cổ đông lớn thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

5. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội của Công ty (công đoàn, đoàn thanh niên...) thực hiện giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như quy định đối với người nội bộ tại khoản 1, 2, 3 Điều này.

6. Trong vòng 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến giao dịch cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Điều 12. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai

1. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua cổ phiếu của tổ chức, cá nhân, Công ty có nghĩa vụ công bố thông tin về việc nhận được đề nghị chào mua trên trang thông tin điện tử của Công ty và SGDCK nơi Công ty niêm yết.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu đăng ký chào mua, Hội đồng quản trị Công ty gửi UBCKNN và thông tin cho cổ đông hoặc nhà đầu tư biết ý kiến của Công ty bằng văn bản và dữ liệu điện tử theo quy định của UBCKNN.

3. Ý kiến bằng văn bản của Hội đồng quản trị Công ty phải có chữ ký của đa số thành viên và nêu rõ đánh giá của Hội đồng quản trị đối với việc chào mua cổ phiếu, bao gồm ý kiến khác của thành viên Hội đồng quản trị (nếu có).

CHƯƠNG IV QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 13. Quy trình công bố thông tin

Quy trình này áp dụng cho việc công bố thông tin của Công ty và trường hợp và Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin ủy quyền cho Công ty công bố thông tin.

1. Sơ đồ quy trình công bố thông tin

Bước	Quy trình	Đơn vị thực hiện	Ghi chú
1	Gửi thông tin	- Các Đơn vị - Nhà đầu tư	
2	Xử lý thông tin	- Bộ phận CBTT	
3	Báo cáo người đại diện pháp luật	- Người được ủy quyền công bố thông tin	
4	Báo cáo và công bố	- Người được ủy quyền công bố thông tin	
5	Bảo quản và lưu trữ	- Bộ phận CBTT - Tổ chuyên viên HĐQT - Bộ phận văn thư và các Bộ phận có liên quan khác	

2. Diễn giải

Bước 1: Gửi thông tin

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các Đơn vị hoặc nhà đầu tư phải tập hợp tài liệu, thông tin cần công bố và gửi đến Bộ phận CBTT. Thời hạn các Đơn vị, nhà đầu tư gửi tài liệu và thông tin cần công bố cho Bộ phận CBTT như sau:

- Thông tin công bố định kỳ: Chậm nhất 02 ngày làm việc trước thời hạn phải công bố thông tin theo quy định tại Điều 7 Quy chế này.

- Thông tin bất thường, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán, thông tin cung cấp theo yêu cầu: Trong vòng 12 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện, các Đơn vị (nơi phát sinh thông tin cần cung cấp) có trách nhiệm chủ động cung cấp thông tin cho Bộ phận CBTT.

- Các thông tin cần công bố khác: Chậm nhất 01 ngày làm việc trước thời hạn phải công bố thông tin.

Bước 2: Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin phải công bố, Bộ phận CBTT phải kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định theo Quy chế này và pháp luật. Trường hợp thông tin được cung cấp chưa đúng theo quy định của Quy chế này và của pháp luật, Bộ phận CBTT đề nghị Đơn vị hoặc nhà đầu tư cung cấp thông tin điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp trong thời hạn công bố thông tin theo quy định.

Bước 3: Báo cáo người đại diện theo pháp luật

Bộ phận CBTT báo cáo người đại diện theo pháp luật các thông tin công bố.

Bước 4: Báo cáo và công bố

Bộ phận CBTT gửi văn bản công bố thông tin kèm dữ liệu điện tử đến UBCKNN, TTLKCK, SGDCK theo đúng thời hạn quy định để thực hiện đăng tải nội dung công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty.

Bước 5: Bảo quản và lưu trữ

Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và công bố sẽ được lưu trữ bằng văn bản. Bộ phận CBTT lưu trữ file dữ liệu điện tử theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quy chế này để phục vụ các nhà đầu tư trong việc tham khảo, tra cứu và đối chiếu khi cần thiết.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ phận CBTT

1. Bộ phận CBTT là đầu mối thu thập các thông tin và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Quy chế này.

2. Trách nhiệm của Bộ phận CBTT:

- Giám sát việc thực hiện đúng quy trình công bố thông tin.
- Kiểm tra tính chính xác, phù hợp của nội dung báo cáo, công bố, đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về công bố thông tin và thực hiện công bố thông tin đến các tổ chức, cá nhân cần thiết theo quy định.
- Chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc về việc thực hiện công bố thông tin.
- Thực hiện các công việc khác được giao.

3. Điều chỉnh thông tin công bố

Trường hợp sau khi thực hiện công bố thông tin, Công ty nhận được các ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin công bố, Bộ phận CBTT có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và bổ sung, sửa đổi (nếu có) các thông tin đó trong vòng 48 giờ, kể từ khi nhận được ý kiến phản hồi. Thực hiện công bố bổ sung/đính chính các thông tin theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của các Đơn vị trong việc cung cấp thông tin

1. Theo dõi và thực hiện đúng quy trình báo cáo thông tin
2. Cung cấp thông tin cần được công bố cho Bộ phận CBTT theo nội dung Quy chế này.
3. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, đầy đủ và kịp thời của các thông tin cung cấp cho Bộ phận CBTT.

Điều 16. Xử lý vi phạm về công bố thông tin

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các nội dung tại Quy chế này, quy định pháp luật về công bố thông tin gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có những quy định của Điều lệ Công ty, pháp luật có liên quan đến việc công bố thông tin của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này thì những quy định của Điều lệ Công ty, pháp luật có liên quan đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh việc công bố thông tin của Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



TS. Bùi Duy Chính